

VẬN DỤNG CHUẨN NGHỀ NGHIỆP GIÁO VIÊN TRUNG HỌC TRONG VIỆC XÂY DỰNG CHUẨN ĐẦU RA TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

APPLYING THE PROFESSIONAL STANDARDS OF HIGH SCHOOL TEACHERS TO BUILDING THE OUTPUT STANDARDS AT UNIVERSITY OF EDUCATION

Nguyễn Tấn Lê

Trường Đại học Sư phạm – Đại học Đà Nẵng

Email: ntanle@yahoo.com

TÓM TẮT

Nhằm mục đích tiêu chuẩn hóa việc đào tạo giáo viên, việc xây dựng chuẩn đầu ra (CĐR) đang được triển khai ở các trường sư phạm. Để chuẩn đầu ra đáp ứng được mục tiêu đào tạo của trường sư phạm, sản phẩm đào tạo cần phải bám sát chuẩn nghề nghiệp giáo viên (CNNGV) đang được triển khai tại các trường phổ thông.

Bài viết này phân tích mối quan hệ mật thiết giữa hai chuẩn dựa trên sự tương hợp của các tiêu chí, từ đó đề xuất những biện pháp có thể tiến hành khi thực hiện chuẩn đầu ra đáp ứng chuẩn nghề nghiệp (CNN). Dựa vào mối quan hệ mật thiết này, các trường sư phạm cần xây dựng chương trình đào tạo bám sát thực tế phổ thông, đổi mới phương pháp dạy học, kiểm tra đánh giá nhằm đào tạo ra đội ngũ giáo viên có năng lực và phẩm chất tốt, phục vụ tốt cho sự nghiệp giáo dục.

Từ khóa: chuẩn đầu ra; chuẩn nghề nghiệp; giáo viên trung học; trường sư phạm; tiêu chuẩn; tiêu chí.

ABSTRACT

To standardize teacher training, the construction of output standards is being implemented at university of education. In order for the output standard to reach the target of the pedagogical training, training products need to keep abreast of professional standards, which is being carried out in schools.

This article analyzes the close relationship between the two standards based on the compatibility of the criteria. Accordingly, feasible measures are proposed to perform Output Standards meeting Professional Standards. Based on this close relationship, pedagogical universities should develop training programs in line with comprehensive practice, innovative teaching methods, testing and assessment to train teaching staff with good abilities and good qualities, serving the cause of education effectively.

Key words: output standards; professional standards; high school teachers; university of education; standard; criteria.

1. Đặt vấn đề

Xuất phát từ tác động của xã hội đối với ngành giáo dục, chất lượng đội ngũ giáo viên phổ thông và yêu cầu đào tạo về nghiệp vụ sư phạm phục vụ cho việc tiếp tục cải cách giáo dục; Bộ Giáo dục và Đào tạo đã ban hành Công văn số 3356/ BGDĐT- GHĐH ngày 01-06-2012, chỉ đạo xây dựng CĐR ở các trường sư phạm đào tạo giáo viên trung học phổ thông.

Trong thời gian qua, các trường Đại học Sư phạm đã triển khai xây dựng và soát chuẩn đầu ra, đáp ứng cho việc cung cấp đội ngũ sinh viên sư phạm tốt nghiệp hằng năm có đủ năng lực và phẩm

chất phù hợp với Chuẩn nghề nghiệp giáo viên trung học (CNNGVTH) do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành tại Thông tư số 30/2009/TT-BGDĐT ngày 22-10-2009 và Công văn hướng dẫn số 660/BGDĐT-NGCBQLGD ngày 09-02-2010.

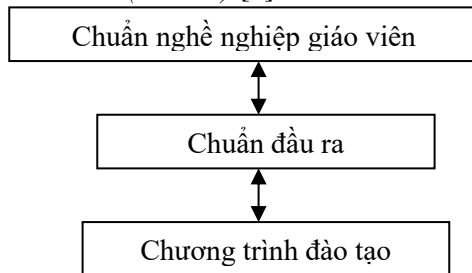
Tuy nhiên trong quá trình triển khai xây dựng CĐR của các ngành đào tạo, các trường Đại học Sư phạm gặp nhiều lúng túng, khó khăn nhất định. Việc vận dụng CNN vào việc xây dựng CĐR chưa được triệt để, cần tiếp tục đề ra các giải pháp khả thi, nhằm tạo ra sự liên hoàn, gắn kết mật thiết giữa các cơ sở đào tạo và cơ sở sử dụng giáo viên.

2. Phân tích mối quan hệ giữa CĐR các ngành

học của trường Đại học Sư phạm với CNNGVTH

2.1. Sự liên quan giữa CĐR ở trường sư phạm và CNNGVTH

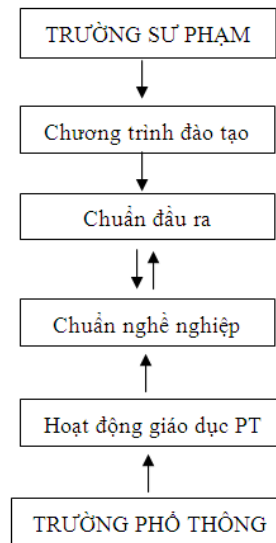
Theo GS. Đinh Quang Báo (2013) thì đây là mối quan hệ nhân quả, kế thừa, tương quan mật thiết với nhau: (sơ đồ 1) [1]



Sơ đồ 1. Sự liên quan giữa CNNGV, CĐR và Chương trình đào tạo ở trường sư phạm

Khi CĐR ở trường sư phạm đáp ứng được Chuẩn nghề nghiệp giáo viên trung học sẽ tạo thành một “thể liên hoàn”, thông suốt giữa “cung” và “cầu”, giữa cơ sở đào tạo và cơ sở sử dụng giáo viên và như thế CĐR sẽ quy định việc xây dựng Chương trình đào tạo của trường sư phạm, có nghĩa là chương trình đào tạo phải bám sát chuẩn đầu ra - đáp ứng CNNGV.

Từ mối quan hệ logic này có thể xác định được các tiêu chí chất lượng của CĐR trên cơ sở phân tích những đồng dạng về thành phần và cấu trúc của các tiêu chuẩn phẩm chất và năng lực tác nghiệp giữa CNNGV và CĐR.



Sơ đồ 2. Sự đáp ứng hai chiều giữa CĐR ở trường sư phạm và CNNGVTH

Qua sơ đồ 2 cho thấy CĐR cần phải mô tả được cấu trúc năng lực nghề nghiệp, bao gồm những kỹ năng và kiến thức cần đạt được của người sinh viên sư phạm khi tốt nghiệp ra trường. Còn CNNGV cần mô tả yêu cầu về sản phẩm cần có trong tác nghiệp của người giáo viên. Điều này cho thấy cần phải định hướng CĐR bám sát CNN, qua đó các trường sư phạm xây dựng CĐR với mục tiêu gắn bó với CNNGVTH sẽ đào tạo nên sản phẩm tốt, sẵn sàng cung ứng đội ngũ sinh viên tốt nghiệp cho các trường phổ thông phù hợp với khuôn mẫu của Chuẩn nghề nghiệp đặt ra.

2.2. Phân tích cụ thể cấu trúc của chuẩn đầu ra và Chuẩn nghề nghiệp giáo viên trung học

Chuẩn nghề nghiệp giáo viên trung học gồm 6 tiêu chuẩn và 25 tiêu chí: [2]

- Phẩm chất chính trị, lối sống (5 tiêu chí)
- Năng lực tìm hiểu đối tượng và môi trường giáo dục (2 tiêu chí)
 - Năng lực dạy học (8 tiêu chí)
 - Năng lực giáo dục (6 tiêu chí)
 - Năng lực hoạt động chính trị xã hội (2 tiêu chí)
 - Năng lực phát triển nghề nghiệp (2 tiêu chí).

Khung Chuẩn đầu ra cho các trường sư phạm được mô tả với 8 tiêu chuẩn và 38 tiêu chí:

- Phẩm chất chính trị, đạo đức (3 tiêu chí)
- Năng lực tìm hiểu người học và môi trường giáo dục (5 tiêu chí)
- Năng lực giáo dục (9 tiêu chí)
- Năng lực dạy học (9 tiêu chí)
- Năng lực đánh giá trong giáo dục (3 tiêu chí)
- Năng lực giao tiếp (3 tiêu chí)

- Năng lực hoạt động xã hội (3 tiêu chí)
- Năng lực phát triển nghề nghiệp (3 tiêu chí)

Mối quan hệ mật thiết của 2 Chuẩn này được trình bày trong Bảng 1 cho thấy sự tương hợp về nội dung giữa các tiêu chí và tiêu chuẩn của 2 Chuẩn; điểm khác nhau chỉ là ở các chỉ báo mức độ đạt chất lượng các tiêu chí của đối tượng khảo sát.

Bảng 1. Sự liên quan giữa cấu trúc của Chuẩn đầu ra của trường sư phạm và cấu trúc của Chuẩn nghề nghiệp giáo viên trung học

Chuẩn đầu ra của trường sư phạm		Chuẩn nghề nghiệp giáo viên trung học	
Tiêu chuẩn	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Tiêu chí
Tiêu chuẩn 1: Phẩm chất chính trị, đạo đức	<ul style="list-style-type: none"> - Phẩm chất chính trị; - Trách nhiệm công dân; - Đạo đức nghề nghiệp. 	Tiêu chuẩn 1: Phẩm chất chính trị, lối sống	<ul style="list-style-type: none"> - Phẩm chất chính trị - Đạo đức nghề nghiệp; - Ứng xử với học sinh; - Ứng xử với đồng nghiệp; - Lối sống, tác phong.
Tiêu chuẩn 2: Năng lực tìm hiểu người học và môi trường giáo dục	<ul style="list-style-type: none"> - Năng lực tìm hiểu cá nhân người học; - Năng lực tìm hiểu tập thể lớp; - Năng lực tìm hiểu môi trường nhà trường; - Năng lực tìm hiểu môi trường gia đình; - Năng lực tìm hiểu môi trường xã hội. 	Tiêu chuẩn 2: Năng lực tìm hiểu đối tượng và môi trường giáo dục	<ul style="list-style-type: none"> - Tìm hiểu đối tượng giáo dục; - Tìm hiểu môi trường giáo dục.
Tiêu chuẩn 3: Năng lực giáo dục	<ul style="list-style-type: none"> - Năng lực giáo dục qua dạy học môn học; - Năng lực tổ chức và phát triển tập thể lớp; - Năng lực tổ chức các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp; - Năng lực giải quyết các tình huống sư phạm; - Năng lực giáo dục học sinh có hành vi không mong đợi; - Năng lực đánh giá kết quả giáo dục; - Năng lực tư vấn và tham vấn; - Năng lực phối hợp các lực lượng giáo dục trong và ngoài nhà trường; - Năng lực xây dựng, quản lý và sử dụng hồ sơ giáo dục. 	Tiêu chuẩn 4: Năng lực giáo dục	<ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng kế hoạch các hoạt động giáo dục; - Giáo dục qua môn học; - Giáo dục qua các hoạt động giáo dục; - Giáo dục qua các hoạt động trong cộng đồng; - Vận dụng các nguyên tắc, phương pháp, hình thức tổ chức giáo dục; - Đánh giá kết quả rèn luyện đạo đức của học sinh.
Tiêu chuẩn 4: Năng lực dạy học	<ul style="list-style-type: none"> - Kiến thức các khoa học liên môn, bổ trợ, nền tảng; - Kiến thức, kỹ năng môn học sẽ dạy ở phổ thông; - Năng lực phát triển chương trình môn học; - Năng lực vận dụng phương pháp, phương tiện và các hình thức tổ chức dạy học bộ môn; - Năng lực dạy học phân hóa; - Năng lực dạy học tích hợp; - Năng lực lập và thực hiện kế hoạch dạy học; - Năng lực kiểm tra đánh giá kết quả học tập; - Năng lực xây dựng, quản lý và sử dụng hồ sơ dạy học. 	Tiêu chuẩn 3: Năng lực dạy học	<ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng kế hoạch dạy học; - Đảm bảo kiến thức môn học; - Đảm bảo chương trình môn học; - Vận dụng các phương pháp dạy học; - Sử dụng các phương tiện dạy học; - Xây dựng môi trường học tập; - Quản lý hồ sơ dạy học; <p>- Kiểm tra đánh giá kết quả học tập của học sinh.</p>
Tiêu chuẩn 6: Năng lực đánh giá trong giáo dục	<ul style="list-style-type: none"> - Năng lực tổ chức đánh giá trong giáo dục; - Năng lực thiết kế các công cụ đánh giá kết quả giáo dục; - Năng lực sử dụng các phần mềm đánh giá. 		
Tiêu chuẩn 5: Năng lực giao tiếp	<ul style="list-style-type: none"> - Năng lực giao tiếp ngôn ngữ và phi ngôn ngữ; 	Tiêu chuẩn 5: Năng lực hoạt động xã hội	<ul style="list-style-type: none"> - Phối hợp với gia đình học sinh và cộng đồng;

	- Năng lực giao tiếp trong các mối quan hệ xã hội; - Năng lực giao tiếp với học sinh.	động chính trị xã hội	- Tham gia hoạt động chính trị, xã hội.
<i>Tiêu chuẩn 7:</i> Năng hoạt động xã hội	- Năng lực tham gia các hoạt động xã hội; - Năng lực vận động người khác tham gia hoạt động xã hội; - Năng lực tổ chức các hoạt động xã hội.		
<i>Tiêu chuẩn 8:</i> Năng lực phát triển nghề nghiệp	- Năng lực tự đánh giá; - Năng lực tự học; - Năng lực nghiên cứu khoa học	<i>Tiêu chuẩn 6:</i> Năng lực phát triển nghề nghiệp	- Tự đánh giá, tự học và tự rèn luyện; - Phát hiện và giải quyết vấn đề nảy sinh trong thực tiễn giáo dục.

3. Hiện trạng đầu ra của các trường sư phạm so với CNN và những định hướng cần thiết

Qua phân tích cho thấy cần có một mối quan hệ khăng khít giữa Chuẩn đầu ra của trường sư phạm và Chuẩn nghề nghiệp giáo viên trung học. Tuy nhiên, thực tế cho thấy trong những năm qua, đầu ra của các trường sư phạm có một số điểm cần được quan tâm, hiệu chỉnh nhằm đạt được sự tương thích này:

3.1. Về phẩm chất chính trị, lối sống (tiêu chuẩn 1 – CGV)

Khi chuyển từ vai trò là người sinh viên sang vai trò của người giáo viên, người sinh viên sư phạm vừa tốt nghiệp ra trường không thể tránh khỏi hiện tượng “thoát xác” về tâm lý, sự chuyển biến đổi vai từ người học sang người dạy, từ chỗ chưa định vị rõ về tâm thế chuyển sang chỗ là tấm gương mẫu mực cho học sinh nhìn vào, trở thành một chủ thể có nhiệm vụ phải uốn nắn, giáo dục học sinh theo chuẩn mực của xã hội.

Điều này đòi hỏi người sinh viên sư phạm tốt nghiệp cần phải nhanh chóng biết “đổi vai”, biết thích ứng lập tức với hoàn cảnh mới. Dĩ nhiên trong các đợt kiến tập sư phạm và thực tập sư phạm họ đã được tập dượt, nhưng lần này lại đòi hỏi mình bắt buộc phải ứng xử thật sự.

3.2. Về năng lực tìm hiểu đối tượng và môi trường giáo dục, năng lực giáo dục, năng lực dạy học (tiêu chuẩn 2,3,4 – CGV)

Người sinh viên sư phạm nếu có quá trình học tập và rèn luyện tốt sẽ dễ dàng tích lũy được những vốn liếng cần thiết để sẵn sàng cọ xát với thực tế phổ thông; thậm chí không ít những sinh viên có đủ bản lĩnh để sáng tạo những “vai diễn” xuất sắc trong sự nghiệp làm thầy.

Tuy nhiên, cũng cần rút ra mối quan hệ nhân quả, để từ đó buộc các trường sư phạm phải thật sự nghiêm túc trong việc đào tạo sản phẩm đúng chuẩn đầu ra về năng lực tìm hiểu người học và

môi trường giáo dục, năng lực giáo dục, năng lực dạy học, năng lực đánh giá trong giáo dục (tiêu chuẩn 2,3,4,6 – CĐR).

3.3. Về năng lực hoạt động chính trị xã hội (tiêu chuẩn 5 – CGV)

Đây cũng là một bước chuyển biến đáng lưu ý: từ chỗ là sinh viên sư phạm, thường xuyên tiếp xúc, giao tiếp với những mối quan hệ trong trường đại học, thậm chí được rèn luyện (đóng vai) trong quá trình học tập tại trường, được trực tiếp diễn vai trong quá trình thực tập (tiêu chuẩn 5,7 – CĐR) nay trở thành một giáo viên thực thụ thường xuyên tiếp xúc với học sinh, gia đình học sinh và xã hội thì mối quan hệ ứng xử này bắt buộc phải thay đổi, đòi hỏi một sự “bộc phát” từ tiềm năng sẵn có trở thành thế năng động cần thiết.

3.4. Về năng lực phát triển nghề nghiệp (tiêu chuẩn 6)

Đây là một sự “thoát xác” thật sự một khi người giáo sinh trở thành người giáo viên. Người giáo viên phổ thông cần vận dụng những bài học sách vở, những kết quả nghiên cứu khoa học đã tích lũy được ở trường sư phạm để ứng phó với cái “thước đo” do thực tiễn dạy học phổ thông đặt ra. Từ đó biết làm chủ quá trình tiếp tục tự học, tự rèn luyện năng lực bản thân để tích lũy kinh nghiệm hoặc đề xuất những sáng kiến kinh nghiệm này sinh hằng ngày.

Ngoài những phân tích ở trên, một số yếu tố khác cũng đã chi phối không ít đến quá trình đào tạo của các trường sư phạm trong cả nước.

- Số lượng sinh viên sư phạm tốt nghiệp ra trường hàng năm dư thừa khá nhiều so với chỉ tiêu tuyển giáo viên tại các địa phương

Điều này đã dẫn đến sự lãng phí trong đào tạo, xét cả về sự đầu tư vĩ mô và vi mô (chế độ miễn học phí cho sinh viên sư phạm, tổ chức dạy học cho các trường sư phạm, khủng hoảng về tình trạng thất nghiệp trên bình diện xã hội).

- *Thang đánh giá năng lực của đối tượng* (sinh viên sư phạm đồng thời là ứng viên dự tuyển công chức vào ngành giáo dục) *chưa được tương thích*.

Theo xu thế chung, dần dần các trường sư phạm đã chuyển sang phương thức đào tạo tín chỉ (đánh giá theo thang điểm 4 kéo theo sự thay đổi tiêu chí xếp loại tốt nghiệp, không tổ chức kỳ thi tốt nghiệp); trong khi đó tiêu chuẩn thi tuyển công chức giáo dục vẫn còn thiên về đánh giá theo quy chế cũ (thang điểm 10 kéo theo tiêu chí xếp loại tốt nghiệp theo phương thức cũ, tính điểm thi cuối khóa). Điều này đã dẫn đến nhiều sự bất cập vì bản thân ứng viên không thỏa mãn được nhu cầu của nhà tuyển dụng; thậm chí có vài địa phương trong thông báo tuyển dụng giáo viên đã nói “không” đối với các sinh viên tốt nghiệp theo phương thức đào tạo tín chỉ.

- *Chuẩn đầu ra do Bộ Giáo dục và Đào tạo đã ban hành hiện nay mới chỉ dừng lại ở mức độ khung chuẩn đầu ra*

Điều này đòi hỏi các trường sư phạm cần tiếp tục cụ thể hóa Khung Chuẩn đầu ra của Bộ cho phù hợp với từng ngành đào tạo giáo viên và phù hợp với đặc điểm của từng địa phương trong cả nước.

Thực tế cho thấy các trường sư phạm đang gặp nhiều lúng túng trong triển khai xây dựng chương trình đào tạo, xây dựng các hoạt động giáo dục trên lớp, ngoài giờ lên lớp, xây dựng kế hoạch thực tập, xây dựng mục tiêu đào tạo của các học phần, xây dựng chuẩn ngoại ngữ, chuẩn tin học... Công việc này đòi hỏi cần phải có sự xem xét cẩn thận và chu đáo mới có thể đạt được mức độ tối ưu.

4. Một số biện pháp cần triển khai thực hiện đưa CĐR tại trường sư phạm gắn kết chặt chẽ với CNGVTH

Từ những lý luận và thực trạng phân tích ở trên, khi triển khai thực hiện CĐR cho các ngành sư phạm đào tạo giáo viên trung học phổ thông cần tiến hành một số biện pháp sau đây:

- So sánh và phát hiện sự chênh lệch giữa mức độ “cầu” của Chuẩn nghề nghiệp giáo viên và mức độ “cung” của CĐR của các ngành đào tạo; từ

đó tìm giải pháp để bổ sung, hiệu chỉnh Chương trình đào tạo (về kiến thức, kỹ năng, phương pháp) sát với thực tế phổ thông ở địa phương. Có thể tiến hành thăm dò qua phiếu điều tra sinh viên tốt nghiệp hằng năm hoặc qua hội nghị tổng kết các đợt thực tập sư phạm, hội thảo khoa học sư phạm, khoa học giáo dục, hội nghị các cơ sở tuyển dụng giáo viên... để nắm bắt kịp thời những thông tin cần thiết.

- Tăng cường đổi mới phương pháp dạy học; trang bị phương tiện dạy học và tài liệu học tập cho sinh viên nhằm nâng cao chất lượng đào tạo. Trang bị đầy đủ cho sinh viên sư phạm các kỹ năng và phương pháp cốt lõi để họ dễ dàng thích ứng với sự đổi mới giáo dục phổ thông.

- Tăng cường hoạt động nghiên cứu khoa học giáo dục, đảm bảo cho người sinh viên biết sáng tạo và tổng kết kinh nghiệm áp dụng cho giáo dục phổ thông nhằm tạo điều kiện cho họ đảm nhiệm tốt nghề nghiệp dạy học; hạn chế những trường hợp sinh viên sư phạm chỉ biết nghiên cứu tốt khoa học cơ bản, ít am tường khoa học giáo dục.

- Cải tiến phương thức kiểm tra đánh giá theo hướng khách quan nhằm đảm bảo thực chất của người học. Từng bước đưa thang đánh giá của Chuẩn nghề nghiệp giáo viên tương thích với Chuẩn đầu ra ở trường sư phạm nhằm khắc phục những bất cập xảy ra.

- Triển khai cụ thể Chuẩn đầu ra theo phương thức đáp ứng Chuẩn nghề nghiệp trong việc xây dựng Chương trình chi tiết các học phần. Trên cơ sở Chuẩn đầu ra chung của ngành đào tạo, cụ thể từng minh Chuẩn đầu ra của từng học phần trong Chương trình đào tạo. Điều này sẽ làm cho Chương trình đào tạo luôn được đổi mới, bám sát thực tế dạy học ở trường phổ thông, bổ sung kịp thời các nội dung cần thiết cho người học.

- Về phía người học, thường xuyên tạo điều kiện cho họ đối chiếu giữa Chuẩn nghề nghiệp với năng lực bản thân nhằm giúp họ tự vạch ra và được tư vấn con đường phấn đấu, rèn luyện theo Chuẩn đầu ra, đáp ứng Chuẩn nghề nghiệp khi tốt nghiệp ra trường.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Đinh Quang Báo (2013), “Xây dựng Chuẩn đầu ra và Chương trình đào tạo của trường đại học sư phạm theo chuẩn nghề nghiệp giáo viên”, *Tài liệu Hội thảo – Tập huấn Phát triển Chương trình đào tạo, bồi dưỡng giáo viên THPT theo Chuẩn nghề nghiệp giáo viên trung học*, Đà Nẵng, tháng 9/2013, trang 33-38.

- [2] Bộ Giáo dục và Đào tạo (2009), *Quy định Chuẩn nghề nghiệp giáo viên trung học cơ sở, giáo viên trung học phổ thông*, Thông tư ban hành số 30/2009/TT-BGDĐT ngày 22-10-2009.
- [3] Bộ Giáo dục và Đào tạo (2010), *Hướng dẫn xây dựng và công bố Chuẩn đầu ra ngành đào tạo đại học*, Công văn số 2196/BGDĐT-GDDH ngày 22-04-2010.
- [4] Bộ Giáo dục và Đào tạo, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, Dự án Phát triển giáo viên Trung học Phổ thông & Trung cấp chuyên nghiệp (2013), *Tài liệu Hội thảo – Tập huấn Phát triển Chương trình đào tạo, bồi dưỡng giáo viên THPT theo Chuẩn nghề nghiệp giáo viên trung học*, Đà Nẵng, tháng 9/2013.
- [5] Dự án Phát triển giáo viên Trung học Phổ thông & Trung cấp chuyên nghiệp - Cục Nhà giáo và Cán bộ Quản lý cơ sở giáo dục – Dự án phát triển Giáo dục Trung học cơ sở II (2010), *Tài liệu tập huấn triển khai Chuẩn nghề nghiệp giáo viên Trung học cơ sở, giáo viên Trung học phổ thông*.